TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N K** **THÀNH PHỐ C T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DSST
Ngày: 12/01/2021
Về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N K, THÀNH PHỐ C T

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà *Trần Thị Hồng Gấm*.
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà *Trần Thị Dung*.
2. Bà *Hồ Thị Kim Luyến*.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà *Võ An Trinh* – Thư ký Thư ký Tòa án nhân dân quận N K, thành phố C T .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N K, thành phố C T tham gia phiên tòa: Bà *Lê Thị Nga* – Kiểm sát viên.

Ngày 12/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N K, thành phố C T tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 379/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 268/2020/QĐST-DS ngày 22/12/2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S G T T**. (Viết tắt Ngân hàng)

Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức T D** – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, Q 3, thành phố H C M.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Ngô T H**. (Có mặt)

Địa chỉ: 894 Ngô Quyền, khóm 1, phường C V, thị xã B M, tỉnh V L.

* Bị đơn: Ông **Đào N T**, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Cư trú: 38/27/5 Nguyễn Trãi, phường A H (Nay là phường T A), quận N K, thành phố C T .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của đại diện nguyên đơnn - ông Ngô T H trình bày*: Ngày 10/06/2014, ngân hàng có ký với ông Đào N T hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng,

bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Căn cứ thu nhập của ông Đào N T, ngân hàng đã đồng ý cấp 02 thẻ tín dụng với hạn mức 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) đối với thẻ Visa có số thẻ 472074-2226 (2,15%/tháng) và thẻ Family 970403-4399(2,5%/tháng). Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân. Quá trình giao dịch được thể hiện chi tiết bảng sao kê quá hạn thẻ, thứ tự thanh toán thẻ tín dụng căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Đào N T không có thiện chí trả nợ. Ngày 05/03/2019, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với 02 thẻ tín dụng nói trên nên ngân hàng đã tạm khóa lần lượt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 22/06/2020, ông T còn nợ ngân hàng tổng cộng gốc và lãi của hai thẻ với số tiền 35.931.061 đồng (Ba mươi lăm triệu, chín trăm ba mươi mốt ngàn, không trăm sáu mươi mốt ngàn đồng).

Nay thấy quyền lợi và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng nên khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Đào N T trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T với số tiền tạm tính đến 22/06/2020 tổng cộng 35.931.061 đồng (Ba mươi lăm triệu, chín trăm ba mươi mốt ngàn, không trăm sáu mươi mốt ngàn đồng).

Phía bị đơn – ông Đào N T: Ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự hòa giải cũng như xét xử. Do đó, Tòa án đã làm thủ tục tống đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định tại điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và xét xử vắng mặt bị đơn.

Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hòa giải được mà phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Đào N T trả số tiền tổng cộng 41.244.769 đồng (Bốn mươi mốt triệu, hai trăm bốn mươi bốn ngàn, bảy trăm sáu mươi chín đồng) tạm tính đến ngày 12/01/2021 theo hai thẻ tín dụng (Trong đó: Thẻ Visa có số thẻ 472074-2226 tiền gốc và tiền lãi 13.457.700 đồng (Mười ba triệu, bốn trăm năm mươi bảy ngàn, bảy trăm đồng); Thẻ Family có số thẻ 970403-4399 tiền gốc và tiền lãi 27.787.069 đồng (Hai mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi bảy ngàn, không trăm sáu mươi chín đồng)). Ngân hàng có quyền tính lãi tiếp theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng mà các bên đã ký cho đến khi bị đơn thanh toán dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến nhận xét về quá trình tuân theo quy định của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký,... và ý kiến về đường lối giải quyết vụ án như sau:

Về thẩm quyền thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng Tòa án xác định là đúng theo quy định, vụ kiện thụ lý là đúng

thẩm quyền, việc tiến hành thủ tục xét xử của Tòa án cho đến giai đoạn hiện nay là phù hợp.

Về đường lối giải quyết vụ án thì đại diện Viện kiểm sát đề nghị như sau: Qua tài liệu và các chứng trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, sau đó ngân hàng đã giải ngân số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) theo thỏa thuận cho hai thẻ tín dụng cho bị đơn. Nội dung, hình thức và sự thỏa thuận của các đương sự trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ nên ngân hàng khởi kiện buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán. Do bị đơn là người ký nhận tiền vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký nên phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ còn thiếu. Đối với yêu cầu tín lãi của ngân hàng, nhận thấy thỏa thuận mức lãi của các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nên trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng 41.244.769 đồng (Bốn mươi mốt triệu, hai trăm bốn mươi bốn ngàn, bảy trăm sáu mươi chín đồng) tạm tính đến ngày 12/01/2021 và ngân hàng được quyền tính lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng từ ngày 13/01/2021 cho đến khi bị đơn thanh toán dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay mà các bên đã ký kết theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Do bị đơn không thực hiện việc trả nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký vì vậy nguyên đơn nhận thấy quyền lợi và lợi ích bị ảnh hưởng nên khởi kiện. Khi phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết và quan hệ này được Bộ luật dân sự điều chỉnh, tranh chấp giữa các đương sự thuộc quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự mà cụ thể là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Mặc khác, bị đơn ông T có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại quận N K, thành phố C T nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N K theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về phần thủ tục*: Ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự hòa giải cũng như tham dự phiên tòa. Tòa án đã làm thủ tục tống đạt trực tiếp, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông T là có cơ sở.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi 41.244.769 đồng (Bốn mươi mốt triệu, hai trăm bốn mươi bốn ngàn, bảy trăm sáu mươi chín đồng) theo hai thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 12/01/2021. Đồng thời, yêu cầu bị đơn phải chịu lãi suất theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà các bên đã ký cho đến khi bị đơn thanh toán dứt nợ. Cở sở để nguyên đơn khởi kiện là "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" ngày 10/06/2014 có chữ ký của bị đơn cùng Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Sau khi ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân số tiền theo hạn mức 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) cho ông T theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng mà các bên đã ký kết đối với hai thẻ tín dụng gồm: Thẻ Visa có số thẻ 472074-2226 và Thẻ Family có số thẻ 970403-4399.

Nhận thấy, hình thức, nội dung, sự thỏa thuận của các đương sự trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thể hiện về số tiền phê duyệt hạn mức vay, lãi suất vay, thời hạn vay, thời điểm trả nợ, phương thức thanh toán…. phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Trong quá trình thực hiện, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với hai thẻ tín dụng nói trên nên ngân hàng đã tạm khóa lần lượt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, sau đó ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ còn thiếu. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T nhiều lần để cho ông có ý kiến trình bày về khoản nợ vay này nhưng ông vẫn không tham gia hòa giải, xét xử,… điều đó cho thấy ông T tự từ bỏ quyền lợi của mình. Do ông T là người trực tiếp ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng của hai thẻ tín dụng nói trên và sử dụng tiền trong hai thẻ mà không thanh toán lại cho ngân hàng nên ông phải là người có nghĩa vụ đối với số nợ này. Phía nguyên đơn cũng thừa nhận trong quá trình sử dụng hai thẻ tín dụng thì ông T đã trả một phần nợ nay chỉ còn lại số tiền nợ gốc và lãi của hai thẻ 41.244.769 đồng (Bốn mươi mốt triệu, hai trăm bốn mươi bốn ngàn, bảy trăm sáu mươi chín đồng) nên cần tuyên buộc bị đơn ông T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền này cho nguyên đơn.

Về phần lãi suất, ngân hàng yêu cầu tính lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng các bên đã ký. Hội đồng xét xử xét thấy, mức lãi suất này các đương sự đã thỏa thuận theo nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và mức lãi này phù hợp với quy định tại Điều 91, 94 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tạm ứng án phí.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Đào N T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T số tiền tổng cộng 41.244.769 đồng (Bốn mươi mốt triệu, hai trăm bốn mươi bốn ngàn, bảy trăm sáu mươi chín đồng) tạm tính đến ngày 12/01/2021. Trong đó: Thẻ Visa có số thẻ 472074-2226 tiền gốc và tiền lãi 13.457.700 đồng (Mười ba triệu, bốn trăm năm mươi bảy ngàn, bảy trăm đồng); Thẻ Family có số thẻ 970403-4399 tiền gốc và tiền lãi 27.787.069 đồng (Hai mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi bảy ngàn, không trăm sáu mươi chín đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T có quyền tính lãi tiếp tục theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/06/2014, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký từ ngày 13/01/2021 cho đến khi phía bị đơn thanh toán dứt nợ.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 2.062.000 đồng (Hai triệu, không trăm sáu mươi hai ngàn đồng), nguyên đơn được nhận lại 898.500 đồng (Tám trăm chín mươi tám ngàn, năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 002839 ngày 22/07/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N K, thành phố C T.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- ***Nơi nhận:***
+ VKSND Q. NK;
+ Chi Cục THADS Q. NK;
+ Các đương sự;
+ Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

TRẦN THỊ HỒNG GẤM